TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **701**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huệ Tú
2. Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1791/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều T, sinh năm 1958
Thường trú: 1 P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 48 N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Mẫn N (Tran M), sinh năm 1956
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: USA.

Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Kiều T:

Bà và ông Trần Mẫn N (Tran M), sinh năm 1956 tự nguyện kết hôn vào ngày 26 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, vào sổ đăng ký kết hôn số 1902, quyển số 07 ngày 03/6/2008.

Sau khi kết hôn, bà và ông Trần Mẫn N (T1) không có chung sống cùng nhau, ông Trần Mẫn N (Tran M) trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, bà vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu, bà và ông Trần Mẫn N (Tran M) thỉnh thoảng có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không đạt được kết quả. Từ năm 2015 đến nay thì giữa bà và ông Trần Mẫn N (Tran Man N1) không còn liên lạc. Do thời gian xa cách kéo dài lại không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Trần Mẫn N (Tran M) ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nguyễn Kiều T khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Kiều T khai không có.

Bị đơn là ông Trần Mẫn N (Tran M) trình bày:

Tại bản tự khai của ông Trần Mẫn N (Tran M) đã được chứng nhận Hợp pháp hóa Lãnh sự tại T2 tại H -Xtơn, T, Hoa Kỳ ngày 30/3/2021 có nội dung: Ông Trần Mẫn N (Tran M) xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Kiều T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà T xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà T. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Mẫn N (Tran M) hiện cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Kiều T, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) vào sổ đăng ký kết hôn số 1902, quyển số 07 ngày 03 tháng 6 năm 2008 thì hôn nhân giữa bà T và ông Trần Mẫn N (Tran M) là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu được ly hôn ông Trần Mẫn N (Tran M) vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không thể giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt và ông Trần Mẫn N (Tran M) cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Kiều T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà T và ông Trần Mẫn N (Tran M) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều T được ly hôn ông Trần Mẫn N (Tran M).

Con chung: Bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) khai không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Kiều T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kiều T.

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều T được ly hôn ông Trần Mẫn N (Tran M).

Giấy chứng nhận kết hôn số 1902, quyển số 07 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 03 tháng 6 năm 2008 cho bà Nguyễn Kiều T và ông Trần Mẫn N (Tran M) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Kiều T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093326 ngày 22/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Kiều T đã nộp đủ.

3. Bà Nguyễn Kiều T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Trần Mẫn N (Tran M) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/14b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang

463-HNST-23.12.20
1 000101 761212
26.04.2021 15:35
Nguyễn Kiều Thu

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận Gò Vấp, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thọ Viên